TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 383/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2026.
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ánh Tuyết

2. Ông Huỳnh Vĩnh Lộc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Quyết Thắng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 130/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thanh T, sinh năm 1981; CCCD số: 079181027981 do Cục C về TTXH cấp ngày 10/7/2021; Địa chỉ: Số A T, tổ C, ấp T, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh. *(có mặt)*

2. Bị đơn: Ông Lê Ngọc T1, sinh năm 1985; CC số: 079085017834 do Cục C về TTXH cấp ngày 01/10/2025; Địa chỉ: Số A T, tổ C, ấp T, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 16/12/2025, bản tự khai cùng các biên bản không hòa giải được tại Tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh T trình bày: Bà và ông Lê Ngọc T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số: 103, quyển số:01/2006 cấp ngày 05/9/2006.Thời gian đầu cuộc sống hòa thuận, bà và ông T1 cùng nhau xây dựng gia đình, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái. Nay trong cuộc sống mâu thuẫn vợ chồng, không còn tôn trọng ý kiến nhau, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến

mâu thuẫn kéo dài và không thể hàn gắn được, hôn nhân không đạt được mục đích. Vì thế bà làm đơn xin ly hôn yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Ngọc T1.

Về con chung: Nguyên đơn xác định có 01 con chung tên Lê Đặng Phương T2, sinh ngày 12/09/2007 (đã trưởng thành).

Về chia tài sản chung: Nguyên đơn xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có.

Bị đơn đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn xin ly hôn nộp ngày 16/12/2025, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là Tranh chấp Ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Bà Đặng Thị Thanh T và ông Lê Ngọc T1 tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn và được xã P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 103, quyển số:01/2006 cấp ngày 05/09/2006, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn xin ly hôn, nguyên đơn cho rằng trong cuộc sống mâu thuẫn vợ chồng, không còn tôn trọng ý kiến nhau, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn được, hôn nhân không đạt được mục đích. Tòa án nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, thể hiện bị đơn không mong muốn đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do vậy, Tòa án không có cơ sở để hòa giải đoàn tụ theo quy định. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đặng Thị Thanh T và ông Lê Ngọc T1 là có xảy ra, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

Về con chung: Căn cứ lời trình bày của bà Đặng Thị Thanh T và căn cứ vào tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện có đủ cơ sở xác định bà Đặng Thị Thanh

T và ông Lê Ngọc T1 có 01 con chung tên Lê Đặng Phương T2, 12/09/2007 (đã thành niên).

Về chia tài sản chung, nguyên đơn xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết và về nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà, nếu có tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật phí, lệ phí tòa án số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, nghĩ nên buộc nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Luật số 85/2026/QH15 ngày 25/6/2026); các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đặng Thị Thanh T.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Đặng Thị Thanh T và ông Lê Ngọc T1.

(Quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị Thanh T và ông Lê Ngọc T1 được xác lập theo giấy chứng nhận kết hôn số: 103, quyển số:01/2006 cấp ngày 05/9/2006 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

2. Về nuôi con chung: Có 01 (một) con chung tên Lê Đặng Phương T2, sinh ngày 12/09/2007 (đã trưởng thành).

3. Về chia tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, buộc bà Đặng Thị Thanh T phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0000792 ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà Đặng Thị Thanh T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn không có mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-TP.HCM;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Thái Mỹ, Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thơ